



Công ty TNHH Kiểm toán An Việt

www.anvietcpa.com



TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến 30/6/2022

Hà Nội tháng 8 năm 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 34

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Xi măng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("báo cáo tài chính riêng") cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Ông Phạm Văn Nhận	Phụ trách Hội đồng thành viên
Ông Phạm Đức Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên (bổ nhiệm ngày 07/7/2022)
Ông Vũ Thế Hà	Thành viên (bổ nhiệm ngày 07/7/2022)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Nam Khánh	Tổng giám đốc
Ông Đinh Quang Dũng	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Hữu Hà	Phó Tổng giám đốc
Ông Ngô Đức Lưu	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/6/2022)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty trong kỳ hoạt động, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,



Lê Nam Khánh
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

Số: 215/2022/BCSX-AVI-TC1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc
Tổng công ty Xi măng Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng công ty"), được lập ngày 15/8/2022, từ trang 04 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 30/6/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 35 trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, số liệu so sánh trình bày trên Bảng cân đối kế toán đã được Tổng công ty điều chỉnh hồi tố theo Thông báo kết luận số 414/TB-KTNN ngày 15/07/2022 của Kiểm toán nhà nước về Báo cáo tài chính năm 2021. Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Ngô Việt Thanh

Phó Tổng giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1687-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

MẪU SỐ B01a - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022		01/01/2022	
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.349.451.117.374		4.393.685.985.097	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	776.090.511.910		960.225.350.852	
1. Tiền	111		311.394.761.779		268.349.897.759	
2. Các khoản tương đương tiền	112		464.695.750.131		691.875.453.093	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.049.634.808.019		1.567.517.940.562	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	2.049.634.808.019		1.567.517.940.562	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.514.957.685.548		1.855.595.066.907	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	167.726.581.294		122.074.565.885	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	82.273.459.298		80.638.025.389	
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	1.094.736.858.119		1.349.236.858.119	
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	171.604.741.819		305.201.513.496	
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.383.954.982)		(1.555.895.982)	
IV. Hàng tồn kho	140		16.169.483		19.762.638	
1. Hàng tồn kho	141		16.169.483		19.762.638	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.751.942.414		10.327.864.138	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18	128.863.637		128.863.637	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		504.929.475		2.080.851.199	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	8.118.149.302		8.118.149.302	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.394.097.826.619		12.359.381.888.052	
I. Tài sản cố định	220		390.414.757.051		392.356.813.390	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	16.033.301.274		17.873.019.285	
- Nguyên giá	222		80.686.605.857		80.686.605.857	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.653.304.583)		(62.813.586.572)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	374.381.455.777		374.483.794.105	
- Nguyên giá	228		392.700.060.022		392.700.060.022	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.318.604.245)		(18.216.265.917)	
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		882.216.062.852		882.216.062.852	
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	882.216.062.852		882.216.062.852	
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		11.107.675.204.716		11.071.017.209.810	
1. Đầu tư vào công ty con	251	15	11.726.405.206.449		11.726.405.206.449	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16	2.005.951.403.394		2.005.951.403.394	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	342.169.399.950		342.169.399.950	
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.966.850.805.077)		(3.003.508.799.983)	
IV. Tài sản dài hạn khác	260		13.791.802.000		13.791.802.000	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	13.791.802.000		13.791.802.000	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		16.743.548.943.993		16.753.067.873.149	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

MẪU SỐ B01a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		276.915.159.768	435.296.909.198
I. Nợ ngắn hạn	310		276.915.159.768	435.296.909.198
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	26.140.377.736	29.078.663.283
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		859.605.683	9.050.554.486
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	143.151.931.191	201.737.100.170
4. Phải trả người lao động	314		31.727.942.862	36.298.678.811
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	19.927.291.031	23.404.288.304
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	19.073.990.717	98.185.296.493
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		36.034.020.548	37.542.327.651
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.466.633.784.225	16.317.770.963.951
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	16.466.633.784.225	16.317.770.963.951
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.033.985.412.409	15.033.985.412.409
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		97.859.545.560	97.859.545.560
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.334.788.826.256	1.185.926.005.982
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		16.743.548.943.993	16.753.067.873.149

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Trịnh Thị Hương

Văn Quang Đức

Lê Nam Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến 30/6/2022

MẪU SỐ B02a - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Kỳ này	Kỳ so sánh
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	134.578.730.202	120.341.422.498
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		134.578.730.202	120.341.422.498
4. Giá vốn hàng bán	11	26	3.840.585.888	3.416.877.680
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		130.738.144.314	116.924.544.818
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	447.422.804.619	374.585.591.275
7. Chi phí tài chính	22	28	(36.657.987.555)	(56.491.798.338)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	118.011.335.114	109.202.201.315
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		496.807.601.374	438.799.733.116
11. Thu nhập khác	31	30	15.163.242	11.595.051
12. Chi phí khác	32	30	613.363.703	127.219.211
13. Lợi nhuận khác	40		(598.200.461)	(115.624.160)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		496.209.400.913	438.684.108.956
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		496.209.400.913	438.684.108.956

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

Người lập



Trịnh Thị Hương

Kế toán trưởng



Văn Quang Đức

Tổng giám đốc



Lê Nam Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến 30/6/2022

MẪU SỐ B03a - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	496.209.400.913	438.684.108.956
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.942.056.339	1.896.138.881
- Các khoản dự phòng	03	(36.829.935.906)	(57.027.564.926)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(62.214.295)	9.401.117
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(447.192.320.024)	(374.585.591.275)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.066.987.027	8.976.492.753
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(40.485.306.446)	(31.171.946.108)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	3.593.155	1.144.390
- Tăng/giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(102.006.023.029)	(69.958.205.222)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	33.000.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(48.570.041.479)	(14.240.260.529)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(143.990.790.772)	(106.392.774.716)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	-	(850.942.472)
2. Tiền chi cho vay	23	(1.380.826.123.800)	(1.210.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	1.164.500.000.000	684.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	564.272.126.896	712.735.276.194
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	347.946.003.096	185.884.333.722
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(388.152.265.561)	(234.320.779.486)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(388.152.265.561)	(234.320.779.486)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(184.197.053.237)	(154.829.220.480)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	960.225.350.852	840.250.097.879
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	62.214.295	(9.401.117)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	776.090.511.910	685.411.476.282

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Trịnh Thị Hương

Văn Quang Đức

Lê Nam Khánh

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu

Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("Tổng công ty" hay "VICEM") là một doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 197/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng công ty được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106320 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 7 năm 2011, đăng ký sửa đổi lần thứ sáu được cấp ngày 11 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 230 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 230 người).

Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker.

Ngành nghề kinh doanh liên quan:

- Kinh doanh than, thạch cao, vận tải cho chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh xi măng;
- Cung ứng các dịch vụ tư vấn, chuyển giao kỹ năng quản lý, quản trị doanh nghiệp, kỹ thuật, thị trường;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
- Tư vấn đầu tư, xây dựng và phát triển xi măng;
- Lĩnh vực vật liệu xây dựng liên quan chuỗi giá trị ngành xi măng;
- Các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

Cấu trúc của Tổng công ty

Cơ cấu Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam bao gồm Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc bao gồm:

- Ban quản lý Dự án Trung tâm Điều hành VICEM và Khu tổng hợp Vĩnh Tuy thành phố Hà Nội.
- Ban quản lý Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi, Nghệ An.
- Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng (CCID).

Đơn vị hành chính sự nghiệp:

- Viện Công nghệ Xi măng Vicem.

Theo Đề án tái cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 được VICEM trình Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt tại văn bản 965/VICEM-HĐTV ngày 31/5/2022, Trường Trung cấp nghề kỹ thuật xi măng từ Viện Công nghệ Xi măng (VTCI) sẽ chuyển về trực thuộc VICEM quản lý và triển khai thực hiện xã hội hóa đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng công ty như sau:

STT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch (i)	Hải Dương	100%	100%	Sản xuất xi măng
2.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng (i)	Hải Phòng	100%	100%	Sản xuất xi măng
3.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Ninh Bình	100%	100%	Sản xuất xi măng
4.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	Hồ Chí Minh	79,69%	79,69%	Sản xuất xi măng
5.	Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Thanh Hóa	73,15%	73,15%	Sản xuất xi măng
6.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Hà Nam	79,51%	79,51%	Sản xuất xi măng
7.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Nghệ An	73,80%	73,80%	Sản xuất xi măng
8.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân (i)	Đà Nẵng	75,75%	75,75%	Sản xuất xi măng
9.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao (i)	Phú Thọ	80,79%	80,79%	Sản xuất xi măng
10.	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Quảng Ninh	82,69%	82,69%	Sản xuất xi măng
11.	Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	Hà Nội	62,95%	62,95%	Kinh doanh than, rác bùn thải
12.	Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng (ii)	Hà Nội	59,64%	59,64%	Kinh doanh xi măng
13.	Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng (ii)	Đà Nẵng	65,81%	65,81%	Kinh doanh xi măng, VLXD
14.	Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (ii)	Thừa Thiên Huế	59,18%	61,21%	Kinh doanh thạch cao
15.	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng (ii)	Hải Phòng	53,86%	53,86%	Dịch vụ vận tải
16.	Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch (ii)	Hải Dương	51,61%	51,61%	Dịch vụ vận tải
17.	Công ty Cổ phần Logistic Vicem	Hồ Chí Minh	50,08%	50,08%	Dịch vụ vận tải

(i): Theo Đề án tái cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 được VICEM trình Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt tại văn bản 965/VICEM-HĐTV ngày 31/5/2022, Tổng công ty sẽ chuyển giao phần vốn của VICEM tại một số công ty con như sau:

- Chuyển giao phần vốn của VICEM tại Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao (Vicem Sông Thao) về Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng (Vicem Hải Phòng);
- Chuyển giao phần vốn của VICEM tại Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân (Vicem Hải Vân) về Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch (Vicem Hoàng Thạch).

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(ii): Theo Đề án tái cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 được VICEM trình Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt tại văn bản 965/VICEM-HĐTV ngày 31/5/2022, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn tại các công ty con này.

Ngoài các công ty con góp vốn đầu tư trực tiếp, Tổng công ty có các công ty con sở hữu gián tiếp (thông qua các công ty con khác) như sau:

STT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long)	Hồ Chí Minh	82,69%	100,00%	Sản xuất xi măng
2.	Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn)	Quảng Ngãi	56,18%	76,80%	Sản xuất xi măng
3.	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên)	Hồ Chí Minh	51,80%	65,00%	Kinh doanh bất động sản
4.	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức (công ty con của Công ty Cổ phần Logistic Vicem) (*)	Hồ Chí Minh	48,91%	97,67%	Kinh doanh bất động sản

(*) Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết được tính trên vốn góp thực tế của chủ sở hữu đến thời điểm 30/6/2022.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng công ty

STT	Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Xi măng Nghi Sơn	Thanh Hóa	35,00%	(i)	Sản xuất xi măng
2.	Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	Hồ Chí Minh	35,00%	(i)	Sản xuất xi măng
3.	Công ty Xi măng Chinfon	Hải Phòng	14,44%	(i)	Sản xuất xi măng
4.	Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô (ii)	Cần Thơ	48,17%	48,17%	Sản xuất xi măng
5.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng (ii)	Hải Phòng	48,99%	48,99%	Sản xuất bao bì
6.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn (ii)	Hà Nam	34,29%	34,29%	Sản xuất bao bì
7.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn (ii)	Thanh Hóa	48,99%	48,99%	Sản xuất bao bì
8.	Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch (ii)	Hải Dương	27,76%	27,76%	Sản xuất bao bì
9.	Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên (ii)	Hồ Chí Minh	38,45%	38,45%	Sản xuất bao bì
10.	Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (ii)	Hà Nội	24,00%	24,00%	Xây dựng

(i) Các công ty liên doanh.

(ii) Theo Đề án tái cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 được VICEM trình Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt tại văn bản 965/VICEM-HĐTV ngày 31/5/2022, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn tại các công ty liên kết này.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("báo cáo tài chính riêng") được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu các báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc. Các giao dịch và số dư nội bộ liên quan đến đầu tư vốn (cấp vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn vay hộ, ...), cung cấp hàng hóa, dịch vụ, thu hộ, chi hộ, lãi/lỗ nội bộ chưa thực hiện giữa Văn phòng Tổng công ty với các đơn vị hạch toán phụ thuộc hoặc giữa các đơn vị hạch toán thuộc với nhau được loại trừ khi trình bày các chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc được lập cùng năm và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất với báo cáo tài chính của Tổng công ty.

Theo Quyết định số 1008/QĐ-XMVN ngày 15 tháng 6 năm 2011, Hội đồng thành viên Tổng công ty đã phê duyệt việc thành lập Viện Công nghệ Xi măng Vicem, một đơn vị sự nghiệp, tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động, trực thuộc Tổng công ty và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề theo quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Công nghệ Xi măng Vicem do Tổng công ty phê duyệt. Báo cáo tài chính của Viện Công nghệ Xi măng Vicem hàng năm không được cộng hợp vào báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho cùng năm tài chính.

Tổng công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc đồng thời báo cáo tài chính riêng này với báo cáo tài chính hợp nhất để có đầy đủ thông tin về hoạt động của Tổng công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Tổng công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Tổng công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản cho vay để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh trước ngày đầu tư được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư tài chính được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào giá trị thị trường của cổ phiếu hoặc báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên nhận đầu tư.

4.4. Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế và các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bản quyền, bằng sáng chế được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 4 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 4 năm.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước theo hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Đông Hồi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An vào ngày 23 tháng 11 năm 2012 trong thời hạn là 46 năm 10 tháng. Tổng công ty chưa thực hiện phân bổ giá trị quyền sử

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

dụng đất do toàn bộ khu đất này hiện đang được sử dụng để xây dựng Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi, Nghệ An.

4.8. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.9. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.10. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết tại Tổng công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần lớn quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, Tổng công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các mối quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	819.917.967	416.597.093
Tiền gửi ngân hàng	310.574.843.812	267.933.300.666
Các khoản tương đương tiền (*)	464.695.750.131	691.875.453.093
Cộng	<u>776.090.511.910</u>	<u>960.225.350.852</u>

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các tổ chức tín dụng.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	2.049.634.808.019	1.567.517.940.562
Cộng	<u>2.049.634.808.019</u>	<u>1.567.517.940.562</u>

(*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các tổ chức tín dụng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (*)	166.914.200.905	120.962.596.496
Phải thu khách hàng khác	812.380.389	1.111.969.389
Cộng	<u>167.726.581.294</u>	<u>122.074.565.885</u>

(*) Chi tiết xem Thuyết minh số 32.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần TID	56.716.805.883	56.716.805.883
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng	20.996.095.271	20.996.095.271
Các nhà cung cấp khác	4.560.558.144	2.925.124.235
Cộng	<u>82.273.459.298</u>	<u>80.638.025.389</u>

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	-	90.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	350.000.000.000	360.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	200.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	33.500.000.000	230.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	231.236.858.119	289.236.858.119
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	150.000.000.000	150.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	50.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	<u>1.094.736.858.119</u>	<u>1.349.236.858.119</u>

10. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	-	-	34.802.041	-
Phải thu lãi cho vay (*)	35.349.498.255	-	29.652.163.040	-
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia (*)	90.323.285.981	-	239.721.084.364	-
Phải thu về cổ phần hóa	11.555.728.218	-	11.555.728.218	-
Lãi dự thu ngân hàng	27.920.145.416	-	23.404.181.529	-
Tạm ứng	5.925.229.710	-	371.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	20.000.000	-	22.000.000	-
Phải thu liên quan đến ủy thác xuất khẩu	1.144.675	-	374.400.384	-
Phải thu khác	509.709.564	-	66.153.920	-
Cộng	<u>171.604.741.819</u>	<u>-</u>	<u>305.201.513.496</u>	<u>-</u>

(*) Chi tiết xem Thuyết minh số 32.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09a - DN

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGÁN HẠN KHÓ ĐÒI

	30/06/2022				01/01/2022			
	Thời gian quá hạn Năm	Giá gốc có thể thu hồi VND	Giá trị thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn Năm	Giá gốc có thể thu hồi VND	Giá trị thu hồi VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Từ 1 - 2 năm	88.704.000	44.352.000	44.352.000	Từ 1 - 2 năm	88.704.000	44.352.000	44.352.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	-	-	-	-	Từ 2 - 3 năm	245.630.000	73.689.000	171.941.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Từ 2 - 3 năm	1.064.399.295	319.319.788	745.079.507	Từ 2 - 3 năm	1.064.399.295	319.319.788	745.079.507
Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	Trên 3 năm	75.672.438	-	75.672.438	Trên 3 năm	75.672.438	-	75.672.438
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng	Trên 3 năm	518.851.037	-	518.851.037	Trên 3 năm	518.851.037	-	518.851.037
Cộng		1.747.626.770	363.671.788	1.383.954.982		1.993.256.770	437.360.788	1.555.895.982

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
Số 228 Lê Duẩn, phường Trưng Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2022	31.091.857.610	1.125.420.343	21.197.663.278	27.271.664.626	80.686.605.857
Tại ngày 30/06/2022	31.091.857.610	1.125.420.343	21.197.663.278	27.271.664.626	80.686.605.857
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2022	24.655.888.715	1.125.420.343	14.602.561.742	22.429.715.772	62.813.586.572
Khấu hao trong kỳ	128.329.104	-	429.587.940	1.281.800.967	1.839.718.011
Tại ngày 30/06/2022	24.784.217.819	1.125.420.343	15.032.149.682	23.711.516.739	64.653.304.583
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2022	6.435.968.895	-	6.595.101.536	4.841.948.854	17.873.019.285
Tại ngày 30/06/2022	6.307.639.791	-	6.165.513.596	3.560.147.887	16.033.301.274
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng	12.459.241.181	1.125.420.343	12.680.093.723	19.166.711.881	45.431.467.128
Nguyên giá TSCĐ không có nhu cầu sử dụng	5.799.706.162	-	-	-	5.799.706.162

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 bao gồm giá trị của Khu nhà điều dưỡng 5 tầng tại thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa với giá trị là 5.799.706.162 đồng (đã khấu hao hết) và được Tổng công ty phân loại là tài sản không có nhu cầu sử dụng. Tổng công ty đang trình xin ý kiến Bộ Xây dựng để bàn giao Khu nhà điều dưỡng này cho Viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng - Bộ Xây dựng.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2022	374.116.278.348	13.830.660.674	4.753.121.000	392.700.060.022
Tại ngày 30/06/2022	374.116.278.348	13.830.660.674	4.753.121.000	392.700.060.022
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2022	-	13.695.803.202	4.520.462.715	18.216.265.917
Khấu hao trong kỳ	-	42.731.664	59.606.664	102.338.328
Tại ngày 30/06/2022	-	13.738.534.866	4.580.069.379	18.318.604.245
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2022	374.116.278.348	134.857.472	232.658.285	374.483.794.105
Tại ngày 30/06/2022	374.116.278.348	92.125.808	173.051.621	374.381.455.777
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng	-	13.574.270.674	4.395.481.000	17.969.751.674

Giá trị quyền sử dụng đất tại Khu Đô thị mới Cầu Giấy, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Tổng công ty chưa thực hiện trích khấu hao giá trị quyền sử dụng đất do toàn bộ khu đất này hiện đang được sử dụng để xây dựng Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Dự án Trung tâm điều hành và giao dịch VICEM (i)	773.954.381.368	773.954.381.368
Dự án xây dựng khu tổng hợp Vĩnh Tuy (ii)	60.063.832.637	60.063.832.637
Dự án nhà máy kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung (iii)	45.755.485.802	45.755.485.802
Dự án khu cảng Đông Hồi (iv)	2.442.363.045	2.442.363.045
Cộng	882.216.062.852	882.216.062.852

- (i) Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM được phê duyệt tại Quyết định số 01510/QĐ-XMVN ngày 23/9/2010 của Hội đồng thành viên VICEM và được phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư theo Quyết định số 02208/QĐ-VMVN ngày 30/12/2011 của Hội đồng thành viên VICEM và Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của UBND thành phố Hà Nội (điều chỉnh nội dung Giấy Chứng nhận Đầu tư số 01121000884 do UBND thành phố Hà Nội ban hành ngày 20/9/2010) với tổng mức đầu tư là 2.743,76 tỷ đồng. Trên cơ sở đề nghị của VICEM, UBND thành phố Hà Nội đã chấp nhận gia hạn tiến độ dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong quý IV/2020 tại Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 09/7/2019.

Ngày 10/3/2017, Văn phòng Chính phủ đã ban hành văn bản số 2243/VPCP-CN đề nghị Bộ Xây dựng tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan để chỉ đạo việc chuyển nhượng dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM. Ngày 09/10/2019, Bộ Xây dựng có văn bản số 2394/BXD-QLDN hướng dẫn thủ tục chuyển nhượng dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM, với ý kiến chỉ đạo: (i) Hội đồng thành viên VICEM thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với Lô đất 10E6, khu đô thị mới Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (Bộ Xây dựng đã có chỉ đạo tại văn bản số 783/BXD-QLDN ngày 16/4/2019, cụ thể: Bộ Xây dựng yêu cầu Hội đồng thành viên VICEM rà soát, cập nhật phương án xử lý nhà, đất theo hình thức "Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất"); (ii) Hội đồng thành viên VICEM triển khai xây dựng và trình Bộ Xây dựng phương án chi tiết việc chuyển nhượng dự án này. Ngày 13/11/2019, VICEM có văn bản số 2221/VICEM-HĐTV trình Bộ Xây dựng thay đổi

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với Lô đất 10E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Hà Nội. Ngày 22/5/2020, VICEM có văn bản số 1062/VICEM-TGV gửi Bộ Xây dựng để báo cáo tình hình thực hiện, những khó khăn vướng mắc và đề xuất kiến nghị trong quá trình cổ phần hóa VICEM, theo đó tiếp tục thực hiện theo văn bản số 2221/VICEM-HĐTV ngày 13/11/2019 về thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đối với lô đất này.

Ngày 25/5/2020, Bộ Xây dựng có Thông báo số 62/TB-BXD, theo đó yêu cầu VICEM rà soát lại toàn bộ các hợp đồng của dự án. Riêng đối với hợp đồng của Gói thầu số 23 đề nghị VICEM làm việc lại với nhà thầu trên nguyên tắc căn cứ hợp đồng ký kết giữa hai bên, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đề xuất và báo cáo Bộ Xây dựng hướng giải quyết. VICEM đã phối hợp làm việc với nhà thầu tìm hướng giải quyết tồn tại của Gói thầu số 23.

Ngày 04/9/2020, Bộ Xây dựng có Thông báo số 107/TB-BXD về kết luận của Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh yêu cầu VICEM rà soát lại, báo cáo và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đảm bảo khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Ngày 23/9/2021, VICEM có văn bản số 1619/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại thành phố Hà Nội và tỉnh Nghệ An. Trong đó đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đối với cơ sở nhà đất tại lô 10E6 khu đô thị mới Cầu Giấy, thành phố Hà Nội là "giữ lại tiếp tục sử dụng để đầu tư hoàn thiện Dự án Trung tâm Điều hành và giao dịch VICEM. Ngày 14/12/2021, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 5191/BXD-KHTC gửi VICEM về vấn đề này.

Ngày 18/3/2022, VICEM đã có văn bản số 449/VICEM-HĐTV báo cáo Bộ Xây dựng về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất, theo đó VICEM đang tiến hành thủ tục thuê đơn vị tư vấn để thực hiện đánh giá tổng thể, sau khi có báo cáo đánh giá của đơn vị tư vấn, VICEM sẽ xem xét, thống nhất báo cáo Bộ Xây dựng.

- (ii) Dự án xây dựng Khu Tổng hợp 122 Vĩnh Tuy được phê duyệt tại Quyết định số 1000/QĐ-XMVN ngày 04/7/2012 của Hội đồng thành viên VICEM, với tổng mức đầu tư là 6.501 tỷ đồng. Ngày 27/11/2015, UBND thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 6499/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch phân Khu đô thị H2-4, tỷ lệ 1/2000. Theo đó, chức năng của 03 khu thuộc dự án đã thay đổi so với quy hoạch tổng mặt bằng 1/500 và phương án kiến trúc sơ bộ đã được Sở Quy hoạch kiến trúc Hà Nội phê duyệt tại văn bản số 1980/QHKT-P2 ngày 17/6/2011.

Ngày 17/01/2019, VICEM có văn bản số 120/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng để báo cáo và đề nghị Bộ Xây dựng cho phép tiếp tục quản lý, sử dụng khu đất 122 Vĩnh Tuy để đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh của VICEM như hiện trạng cũng như đảm bảo tiến độ cổ phần hóa. Sau cổ phần hóa, căn cứ theo yêu cầu sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển, tái cấu trúc VICEM và quy hoạch của thành phố Hà Nội, VICEM sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền việc sử dụng đất trên theo đúng quy định. Ngày 01/3/2019, Bộ Xây dựng có văn bản số 387/BXD-KHTC gửi Bộ Tài chính về việc thống nhất với đề xuất của VICEM và đề nghị Bộ Tài chính thực hiện việc xử lý, sắp xếp theo quy định. Bộ Tài chính đã tiến hành kiểm tra hiện trạng khu đất ngày 13/5/2019; sau đó đã có ý kiến tại văn bản số 15226/BTC-QLCS ngày 16/12/2019, và Bộ Xây dựng đã có ý kiến chỉ đạo VICEM tại văn bản số 25/BXD-KHTC ngày 03/01/2020 và văn bản số 30/TB-BXD ngày 10/3/2020. Ngày 22/5/2020, VICEM đã có văn bản số 1062/VICEM-TGV gửi Bộ Xây dựng để báo cáo tình hình thực hiện, những khó khăn vướng mắc và đề xuất kiến nghị trong quá trình cổ phần hóa VICEM đối với việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất khu đất diện tích 52.083,3 m² tại Ngõ 122 Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, cụ thể: (i) Đối với diện tích đất 288,7 m²: phương án sắp xếp lại, xử lý theo hình thức "Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý"; (ii) Đối với diện tích đất 17.381 m² (do Vicem Hoàng Thạch đang quản lý, sử dụng): giao cho Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch để thực hiện lập báo cáo kê khai phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất; phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa; (iii) Đối với phần diện tích đất còn lại (34.413,6 m²): phương án sắp xếp lại, xử lý theo hình thức "Giữ lại tiếp tục sử dụng" để thực hiện dự án Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Công nghệ Vicem trên cơ sở kế thừa dự án Khu Tổng hợp 122 Vĩnh Tuy để điều chỉnh, thành lập Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Công nghệ Vicem theo Đề án tái cơ cấu VICEM, phù hợp với lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh được phép, phù hợp với quy hoạch của thành phố Hà Nội và quy định pháp luật.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ngày 04/9/2020, Bộ Xây dựng có Thông báo số 107/TB-BXD về kết luận của Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh yêu cầu VICEM rà soát lại, báo cáo và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đảm bảo khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Ngày 23/9/2021, VICEM có văn bản số 1619/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại thành phố Hà Nội và tỉnh Nghệ An. Ngày 14/12/2021, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 5191/BXD-KHTC gửi VICEM về vấn đề này.

Ngày 18/3/2022, VICEM đã có văn bản số 449/VICEM-HĐTV báo cáo Bộ Xây dựng về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Khu đất tại Ngõ 122 Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội theo các nội dung yêu cầu của Bộ xây dựng tại văn bản số 5191/BXD-KHTC nêu trên.

- (iii) Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi được triển khai theo Quyết định số 770/QĐ-XMVN ngày 09/6/2010 của Hội đồng thành viên VICEM với tổng mức đầu tư là 819 tỷ đồng.

Ngày 28/02/2019, Hội đồng thành viên VICEM đã ban hành Quyết định số 363/QĐ-VICEM chấp thuận dừng dự án kể từ ngày 30/6/2018 để chuyển nhượng Dự án cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Vicem Hoàng Mai") tiếp tục đầu tư với giá chuyển nhượng không thấp hơn 59,8 tỷ đồng. Ngày 22/5/2020, VICEM có văn bản số 1062/VICEM-TGV gửi Bộ Xây dựng để báo cáo tình hình thực hiện, những khó khăn vướng mắc và đề xuất kiến nghị trong quá trình cổ phần hóa VICEM: Thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý đối với khu đất từ "Giữ lại tiếp tục quản lý, sử dụng ... để thực hiện dự án" thành "Chuyển nhượng dự án cho Vicem Hoàng Mai".

Ngày 23/9/2021, VICEM có văn bản số 1619/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại thành phố Hà Nội và tỉnh Nghệ An. Theo đó đề xuất Bộ Xây dựng chấp thuận chủ trương cho VICEM được điều chỉnh dự án để góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai để thực hiện dự án Xi măng Hoàng Mai 2. Ngày 14/12/2021, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 5191/BXD-KHTC gửi VICEM về vấn đề này.

Ngày 18/3/2022, VICEM đã có văn bản số 449/VICEM-HĐTV báo cáo Bộ Xây dựng đề nghị xem xét, chấp thuận chủ trương cho phép VICEM thực hiện như nội dung đã báo cáo tại văn bản số 1619/VICEM-HĐTV ngày 23/9/2021.

- (iv) Dự án Cảng VICEM tại Đông Hồi được thực hiện theo Quyết định số 659/QĐ-VICEM do Hội đồng thành viên Tổng công ty ban hành ngày 04/4/2016, với tổng mức đầu tư là 1.978 tỷ VND.

Ngày 20/11/2018, Hội đồng thành viên Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 2146/QĐ-VICEM phê duyệt chấm dứt dự án đầu tư xây dựng Cảng Đông Hồi kể từ ngày 30/6/2018 với giá trị quyết toán là 2.680.806.045 đồng.

Tổng công ty đã có văn bản số 381/VICEM-QLĐTXD ngày 04/3/2019 đề nghị Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty tại Vicem Hoàng Mai có ý kiến để Vicem Hoàng Mai có văn bản gửi Tổng công ty về việc nhận chuyển nhượng dự án Nhà máy KCBT-VLXD không nung Đông Hồi và Cảng VICEM tại Đông Hồi theo hình thức thỏa thuận trước ngày 15/3/2019, đồng thời hoàn thiện các thủ tục pháp lý của bên nhận chuyển nhượng, tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng chuyển nhượng với Tổng công ty trước ngày 20/3/2019.

Ngày 05/10/2020, Vicem Hoàng Mai có văn bản số 3249/BC-XMHH báo cáo Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, trong đó có nội dung: dự án đang tạm giãn tiến độ triển khai do hiện nay UBND tỉnh Nghệ An đang phối hợp với Bộ Giao thông Vận tải lập quy hoạch cảng Đông Hồi giai đoạn 2020-2035 và tầm nhìn đến năm 2050.

Ngày 22/9/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1579/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Tổng công ty vẫn đang phối hợp, đôn đốc Vicem Hoàng Mai tiếp tục bám sát ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Nghệ An để rà soát, triển khai dự án Cảng VICEM tại Đông Hồi phù hợp quy hoạch đồng bộ với dự án Nhà máy Xi măng Hoàng Mai 2.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
Số 228 Lê Duẩn, phường Trưng Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09a - DN

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	1.875.000.000.000	-	1.875.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	1.021.101.622.719	(39.278.583.447)	1.021.101.622.719	(80.980.001.496)
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	1.132.027.198.900	(1.001.253.764.639)	1.132.027.198.900	(1.006.127.003.784)
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	2.584.434.333.100	-	2.584.434.333.100	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	733.291.747.950	-	733.291.747.950	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	898.556.152.000	-	898.556.152.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	510.918.000.000	-	510.918.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	314.637.600.000	-	314.637.600.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	516.550.000.000	(255.422.851.714)	516.550.000.000	(256.466.150.934)
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.605.858.460.000	(1.605.858.460.000)	1.605.858.460.000	(1.605.858.460.000)
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	279.365.401.780	-	279.365.401.780	-
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	35.786.140.000	-	35.786.140.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	65.147.000.000	-	65.147.000.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	41.990.150.000	-	41.990.150.000	-
Công ty Cổ phần Vicem TMDV Vận tải Hải Phòng	16.290.600.000	-	16.290.600.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	3.354.500.000	-	3.354.500.000	-
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	92.096.300.000	-	92.096.300.000	-
Cộng	11.726.405.206.449	(2.901.813.659.800)	11.726.405.206.449	(2.949.431.616.214)

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
Số 228 Lê Duẩn, phường Trưng Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Xi măng Nghi Sơn	872.610.611.500	-	872.610.611.500	-
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	814.863.899.899	-	814.863.899.899	-
Công ty Xi măng Chinfon	194.035.068.000	-	194.035.068.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	36.611.500.000	-	36.611.500.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	14.754.500.000	-	14.754.500.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	22.634.323.995	-	22.634.323.995	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	18.620.000.000	-	18.620.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	4.441.000.000	-	4.441.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	15.380.500.000	-	15.380.500.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	12.000.000.000	(12.000.000.000)	12.000.000.000	(8.628.000.000)
Cộng	2.005.951.403.394	(12.000.000.000)	2.005.951.403.394	(8.628.000.000)

17. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Tám lợp VLXD Đồng Nai	43.625.888.700	(43.625.888.700)	43.625.888.700	(32.704.293.840)
Công ty Cổ phần Tài chính Tín Việt	97.543.511.250	-	97.543.511.250	-
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai - Kratie	96.000.000.000	(9.411.256.577)	96.000.000.000	(12.744.889.929)
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Kratie	105.000.000.000	-	105.000.000.000	-
Cộng	342.169.399.950	(53.037.145.277)	342.169.399.950	(45.449.183.769)

Theo Đề án tái cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 được VICEM trình Bộ Xây dựng xem xét phê duyệt tại văn bản 965/VICEM-HĐTV ngày 31/5/2022, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn tại các đơn vị này.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	128.863.637	128.863.637
Chi phí sửa chữa	128.863.637	128.863.637
Dài hạn	13.791.802.000	13.791.802.000
Tiền thuê đất dự án nhà máy kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Nghệ An, Đông Hồi	13.791.802.000	13.791.802.000

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	470.607.964	470.607.964	2.296.027.600	2.296.027.600
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	120.616.364	120.616.364	169.650.000	169.650.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	349.991.600	349.991.600	349.991.600	349.991.600
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	-	-	1.776.386.000	1.776.386.000
Phải trả người bán khác	25.669.769.772	25.669.769.772	26.782.635.683	26.782.635.683
Công ty Cơ khí và Xây dựng Posco E&C Việt Nam	25.190.394.192	25.190.394.192	25.190.394.192	25.190.394.192
Các nhà cung cấp khác	479.375.580	479.375.580	1.592.241.491	1.592.241.491
Cộng	26.140.377.736	26.140.377.736	29.078.663.283	29.078.663.283

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	43.540.847	6.239.000.617	1.874.919.026	4.407.622.438
Thuế thu nhập cá nhân	5.470.906.044	7.552.766.604	12.594.597.876	429.074.772
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.095.621.635)	-	-	(8.095.621.635)
Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách	196.222.653.279	330.244.846.263	388.152.265.561	138.315.233.981
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	4.995.979.188	4.995.979.188	-
Các loại thuế, phí khác	(22.527.667)	617.363.703	617.363.703	(22.527.667)
- Phải thu	(22.527.667)	-	-	(22.527.667)
- Phải nộp	-	617.363.703	617.363.703	-
Cộng	193.618.950.868	349.649.956.375	408.235.125.354	135.033.781.889
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8.118.149.302			8.118.149.302
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	201.737.100.170			143.151.931.191

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí phải trả đầu tư XD CB	19.415.981.031	19.415.981.031
Chi phí phải trả khác	511.310.000	3.988.307.273
Cộng	19.927.291.031	23.404.288.304

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	121.921.488	122.568.455
Bảo hiểm xã hội	31.534.114	-
Phải trả về cổ phần hóa	10.200.000	10.200.000
Quỹ ủng hộ công tác xã hội, từ thiện (i)	9.527.058.709	6.487.058.709
Quỹ hỗ trợ Tây Nam Bộ (ii)	3.199.157.822	3.199.157.822
Phải trả các đơn vị liên quan đến ủy thác xuất khẩu	-	78.926.218.248
Các khoản khác	6.184.118.584	9.440.093.259
Cộng	19.073.990.717	98.185.296.493

- (i) Quỹ ủng hộ từ thiện và nhân đạo của Tổng công ty nhằm mục đích hỗ trợ các đơn vị thành viên có nhiều khó khăn về sản xuất kinh doanh, thu nhập của CNVC lao động thấp; để hỗ trợ các đơn vị, cá nhân giúp đỡ ủng hộ Tổng công ty trong việc thực hiện hoàn thành nhiệm vụ chính trị, chăm lo đến việc làm thu nhập của CBCNV Tổng công ty; để ủng hộ công tác từ thiện, nhân đạo, xã hội của Tổng công ty. Quỹ được xây dựng bằng một phần tiền lương tự nguyện ủng hộ của CBCNV lao động và các nguồn hỗ trợ khác.
- (ii) Quỹ hỗ trợ Tây Nam Bộ: Quỹ được lập trên cơ sở chỉ đạo của Ban chỉ đạo Tây Nam Bộ để thực hiện Nghị quyết 37-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Nguồn hình thành Quỹ được đóng góp từ các đơn vị thành viên VICEM và Công ty mẹ Tổng công ty Xi măng Việt Nam.

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	30/06/2022	01/01/2022
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	78.926,18	3.556.554,89
- Euro (EUR)	483,00	483,77

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09a - DN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2021	15.033.985.412.409	97.859.545.560	884.670.736.732	-	16.016.515.694.701
Lãi trong năm	-	-	-	974.860.982.011	974.860.982.011
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	292.458.294.604	(292.458.294.604)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(34.138.389.000)	(34.138.389.000)
Lợi nhuận còn lại nộp Ngân sách	-	-	-	(648.264.298.407)	(648.264.298.407)
Tại ngày 31/12/2021	15.033.985.412.409	97.859.545.560	1.177.129.031.336	-	16.308.973.989.305
Điều chỉnh theo Thông báo kết luận kiểm toán số 414/TB-KTNN ngày 15/07/2022					
Lợi nhuận năm 2020 chưa phân phối	-	-	-	11.555.728.218	11.555.728.218
Lợi nhuận năm 2021	-	-	-	17.767.520.603	17.767.520.603
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	8.796.974.646	(8.796.974.646)	-
Lợi nhuận còn lại nộp Ngân sách	-	-	-	(20.526.274.175)	(20.526.274.175)
Tại ngày 01/01/2022	15.033.985.412.409	97.859.545.560	1.185.926.005.982	-	16.317.770.963.951
Lãi trong kỳ	-	-	-	496.209.400.913	496.209.400.913
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	148.862.820.274	(148.862.820.274)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(17.101.734.376)	(17.101.734.376)
Lợi nhuận còn lại nộp Ngân sách	-	-	-	(330.244.846.263)	(330.244.846.263)
Tại ngày 30/06/2022	15.033.985.412.409	97.859.545.560	1.334.788.826.256	-	16.466.633.784.225

Tại ngày 30/06/2022, VICEM tạm trích Quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
Phí tư vấn	132.656.354.385	119.866.155.464
Doanh thu dịch vụ khác	1.922.375.817	475.267.034
Cộng	134.578.730.202	120.341.422.498

Doanh thu phí tư vấn với bên liên quan

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	30.113.140.816	26.818.417.352
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	6.230.087.576	5.314.711.576
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	841.233.606	801.879.906
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	66.363.255.098	62.124.045.610
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	10.586.815.320	9.965.474.900
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	7.206.701.424	6.559.039.820
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	4.743.446.452	3.571.810.414
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	551.468.092	347.809.518
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	90.430.280	67.292.894
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.197.329.404	1.406.709.066
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	2.837.426.094	1.173.409.723
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	304.536.643	206.339.369
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	84.905.863	78.726.846
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	215.788.064	174.382.918
Công ty Cổ phần TMDVVT Xi măng Hải Phòng	30.398.343	31.386.534
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	870.359	1.569.229
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	807.892.843	776.743.974
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	191.254.121	163.480.509
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	56.686.086	62.465.616
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	127.632.639	116.652.425
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	75.055.262	103.807.265
Cộng	132.656.354.385	119.866.155.464

Doanh thu dịch vụ khác với bên liên quan

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	124.501.454	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	110.457.892	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	259.259.259	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	21.502.273	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	63.013.275	-
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	13.397.688	2.440.266
Công ty TNHH Siam City Cement	1.112.578.703	-
Công ty Xi măng Chinfon	193.000.000	-
Cộng	1.897.710.544	2.440.266

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.840.585.888	3.416.877.680
Cộng	3.840.585.888	3.416.877.680

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	49.781.145.359	42.644.305.587
Lãi cho các đơn vị thành viên vay vốn	20.251.711.924	25.748.108.302
Cổ tức, lợi nhuận được chia	377.159.462.741	306.193.177.386
Lãi chênh lệch tỷ giá	230.484.595	-
Cộng	447.422.804.619	374.585.591.275

Chi tiết lãi các đơn vị thành viên vay vốn

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	333.150.684	312.328.767
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	3.509.315.066	4.190.684.931
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	2.218.410.959	4.675.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	3.489.369.863	3.929.794.521
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	1.390.027.399	1.519.986.300
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	5.533.574.939	5.781.615.153
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	2.975.342.466	5.059.246.575
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	802.520.548	279.452.055
Cộng	20.251.711.924	25.748.108.302

Cổ tức lợi nhuận được chia

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	82.437.565.106	66.026.226.365
Công ty Xi măng Nghi Sơn	65.761.500.000	79.293.900.000
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	221.638.097.635	142.477.522.971
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	7.322.300.000	10.983.450.000
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	-	2.154.808.050
Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng	-	5.257.270.000
Cộng	377.159.462.741	306.193.177.386

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.351	9.401.117
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	14.293.594.860	685.156.681
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	(50.951.589.766)	(57.186.356.136)
Cộng	(36.657.987.555)	(56.491.798.338)

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân công	72.593.181.458	72.584.255.846
Chi phí vật liệu quản lý	1.703.009.940	930.643.178
Chi phí đồ dùng văn phòng	676.669.947	446.882.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.937.331.039	1.751.182.553
Thuế, phí và lệ phí	5.437.448.503	5.760.771.566
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(171.941.000)	(526.365.471)
Chi phí khác	35.835.635.227	28.254.831.371
Cộng	118.011.335.114	109.202.201.315

30. THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ KHÁC

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập khác		
Các khoản khác	15.163.242	11.595.051
Cộng	15.163.242	11.595.051
Chi phí khác		
Tiền chậm nộp thuế, phạt thuế, truy thu thuế	613.363.703	127.219.211
Cộng	613.363.703	127.219.211

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Tại ngày 30/6/2022, Tổng công ty có các khoản lỗ tính thuế là 654.312.462.761 đồng có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Do đó, không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2022. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ còn lại vì Tổng công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan của Tổng công ty

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	Công ty con
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Công ty con
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Công ty con
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Công ty con
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Công ty con
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	Công ty con
Công ty Xi măng Nghi Sơn	Công ty liên doanh
	(đồng kiểm soát)
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	Công ty liên doanh
	(đồng kiểm soát)
Công ty Xi măng Chinfon	Công ty liên doanh
	(đồng kiểm soát)
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty liên kết
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc

Số dư phải thu chủ yếu từ các bên liên quan***Phải thu lãi cho vay***

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	-	498.082.191
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	7.177.260.272	3.667.945.206
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	1.249.315.068	8.450.397.258
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	5.953.205.480	2.463.835.617
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	4.623.986.303	3.233.958.904
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	14.537.511.954	9.003.937.015
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.495.890.411	1.798.390.411
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	312.328.767	535.616.438
Cộng	<u>35.349.498.255</u>	<u>29.652.163.040</u>

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Phải thu về phí tư vấn và khác

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	18.288.995.616	17.193.045.170
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	4.074.584.674	3.566.583.490
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	108.590.250	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	102.363.607.551	81.482.948.507
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	22.779.138.916	11.345.378.370
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	9.909.873.242	2.126.894.658
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	1.330.881.833	245.630.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	4.038.556.319	3.442.970.781
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	97.664.702	6.618.541
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	747.101.474	-
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	1.843.632.317	1.290.678.916
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	58.093.928	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	171.585.212	-
Công ty Cổ phần TMDVVT Xi măng Hải Phòng	10.005.757	-
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	212.524.985	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	278.522.466	71.968.015
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	37.294.706	59.056.209
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	70.366.886	62.074.702
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	44.229.371	68.749.137
Công ty TNHH Siam City Cement	386.418.700	-
Công ty Xi măng Chinfon	62.532.000	-
Cộng	<u>166.914.200.905</u>	<u>120.962.596.496</u>

Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	82.640.985.981	54.102.528.764
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	-	184.923.105.600
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	7.322.300.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	-	335.450.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	360.000.000	360.000.000
Cộng	<u>90.323.285.981</u>	<u>239.721.084.364</u>

Người mua trả tiền trước

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	467.408.280	1.375.940.574
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	-	3.861.339.738
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	-	2.313.343.171
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại xi măng	-	116.374.589
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	-	33.604.403
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	-	61.465.897
Công ty Cổ phần TMDVVT Xi măng Hải Phòng	-	22.824.453
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	1.906.044	2.846.032
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	390.291.359	1.262.815.629
Cộng	<u>859.605.683</u>	<u>9.050.554.486</u>

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Trả trước cho người bán

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Viện công nghệ Xi măng Vicem	963.599.000	-

Phải thu khác ngắn hạn

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Phải thu liên quan đến ủy thác xuất khẩu		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	-	276.329.400
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	-	94.836
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	440.000.000	-

Các khoản phải trả khác

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Phải trả liên quan đến ủy thác xuất khẩu	-	78.926.218.248
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	-	49.852.337.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	-	28.420.477.500
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	-	232.284.874
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	-	421.118.874
Phải trả khác	91.327.654	2.318.116.518
Viện công nghệ Xi măng Vicem	91.327.654	2.318.116.518
Cộng	91.327.654	81.244.334.766

Mua hàng bên liên quan

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	265.909.093	111.681.819
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	227.403.000	-

Thu nhập của Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Thu nhập Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc	2.586.576.780	2.357.944.015

33. CÁC KHOẢN CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị là 486,15 tỷ đồng liên quan đến việc xây dựng "Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM" và "Dự án Xây dựng Khu tổng hợp Vĩnh Tuy".

Như được trình bày tại Thuyết minh số 14, Liên danh nhà thầu Posco E&C Việt Nam và Phục Hưng Holdings đã ký kết hợp đồng xây dựng số 0518/2012/HĐKT-XMVN ngày 06/4/2012 để thực hiện Gói thầu số 20 "Thi công kết cấu móng và tầng hầm đến cao độ +0.0 m" ("Gói thầu số 20") thuộc Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM với tổng giá trị là 166,6 tỷ VND (hợp đồng đơn giá điều chỉnh). Tổng công ty đã thực hiện thanh toán cho nhà thầu này theo tiến độ các đợt thanh toán và nghiệm thu khối lượng công trình như quy định trong hợp đồng với tổng số tiền là 140,8 tỷ VND.

Gói thầu thi công chậm tiến độ do trong quá trình thi công có một số thay đổi, phát sinh. Sau nhiều lần làm việc, hồ sơ quyết toán A-B chưa được Liên danh nhà thầu hoàn thiện. Ngày 04/5/2018, đại diện Liên danh nhà thầu là Posco E&C Việt Nam đã gửi đơn kiện lên Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đề nghị giải quyết tranh chấp giữa Liên danh nhà thầu và Tổng công ty liên quan đến Gói thầu số 20.

Theo Bản án sơ thẩm số 78/2021/KDTM-ST ngày 29/11/2021, Liên danh nhà thầu đề nghị giá trị quyết toán là 194,7 tỷ đồng (cao hơn 53,9 tỷ đồng so với giá trị Tổng công ty đã thanh toán cho nhà thầu). Tòa án nhân dân quận Đống Đa thành phố Hà Nội đã quyết định buộc Tổng công ty phải thanh toán trả cho Liên danh nhà thầu số tiền 53,9 tỷ đồng và số tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 29/11/2021 là 27,5 tỷ đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Tổng công ty đối với Liên danh; buộc Liên danh nhà thầu phải thanh toán trả cho Tổng công ty số tiền phạt vi phạm thi công chậm tiến độ là 7,99 tỷ đồng. Ngày 10/12/2021, Tổng công ty đã gửi đơn kháng cáo số 2353/VICEM-KTPC đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 78/2021/KDTM-ST ngày 29/11/2021 để tiếp tục được xét xử theo trình tự phúc thẩm. Ngày 08/3/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có Thông báo số 60/TBTL-TA về việc thụ lý vụ án kinh doanh thương mại giai đoạn phúc thẩm. Ngày 05/05/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có Quyết định số 153/2022/QĐ-PT đưa ra xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại 29/2022/TLPT-KDTM ngày 08/03/2022.

Ngày 24/05/2022 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 183/2022/QĐ-PT về việc hoãn phiên tòa phúc thẩm do người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Econ và Công ty TNHH Bureau Veritas Việt Nam vắng mặt. Do đó, Tổng công ty chưa có đầy đủ cơ sở để ghi nhận cho các khoản phải thanh toán bổ sung, nếu có, từ vụ kiện này.

34. THÔNG TIN KHÁC

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập của Kiểm soát viên	418.724.400	415.123.300

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán và đã được điều chỉnh hồi tố theo Thông báo Kết luận kiểm toán số 414/TB-KTNN ngày 15/07/2022 của Kiểm toán nhà nước về Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty Xi măng Việt Nam. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 đã được soát xét. Chi tiết như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2021	01/01/2022	Chênh lệch
		VND	trình bày lại VND	
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	4.381.447.886.689	4.393.685.985.097	12.238.098.408
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	1.843.356.968.499	1.855.595.066.907	12.238.098.408
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	121.595.616.570	122.074.565.885	478.949.315
Phải thu ngắn hạn khác	136	293.442.364.403	305.201.513.496	11.759.149.093
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	12.342.253.196.792	12.359.381.888.052	17.128.691.260
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11.053.888.518.550	11.071.017.209.810	17.128.691.260
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(3.020.637.491.243)	(3.003.508.799.983)	17.128.691.260
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	16.723.701.083.481	16.753.067.873.149	29.366.789.668
NỢ PHẢI TRẢ	300	414.727.094.176	435.296.909.198	20.569.815.022
Nợ ngắn hạn	310	414.727.094.176	435.296.909.198	20.569.815.022
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	181.167.285.148	201.737.100.170	20.569.815.022
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	16.308.973.989.305	16.317.770.963.951	8.796.974.646
Vốn chủ sở hữu	410	16.308.973.989.305	16.317.770.963.951	8.796.974.646
Quý đầu tư phát triển	418	1.177.129.031.336	1.185.926.005.982	8.796.974.646
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	16.723.701.083.481	16.753.067.873.149	29.366.789.668

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

Người lập



Trịnh Thị Hương

Kế toán trưởng



Văn Quang Đức

Tổng giám đốc



Lê Nam Khánh

